

CỤC HẢI QUAN  
BAN CNTT & THỐNG KÊ  
HẢI QUAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 174 /CNTT-QLVH

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

V/v đồng bộ bộ mã đơn vị HQ

Kính gửi: Các Chi cục Hải quan khu vực

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Cục tại tờ trình số 63/TTr-CNTT ngày 11/02/2026 về phương án đồng bộ bộ mã đơn vị hải quan và tại cuộc họp ngày 26/02/2026 về thông quan tập trung, Ban CNTT & Thống kê hải quan đề nghị các Chi cục Hải quan khu vực:

- Cho ý kiến về phương án đồng bộ bộ mã đơn vị hải quan, thời gian triển khai dự kiến và bảng mã đơn vị hải quan dự kiến. Riêng đối với Đội thông quan tập trung dự kiến, đề nghị các đơn vị cho ý kiến đối với bảng mã dự kiến theo Phụ lục kèm theo công văn. Thời hạn gửi ý kiến về Ban CNTT & Thống kê hải quan: **chậm nhất trong ngày 03/3/2026**. File điện tử ý kiến gửi về đầu mỗi Ban CNTT: Đ/c Đặng Hoàng Thảo, Tổ QLVH & DVCTT, email: [thaodh01@customs.gov.vn](mailto:thaodh01@customs.gov.vn);

- Trong trường hợp triển khai đồng bộ bộ mã đơn vị hải quan vào ngày 01/4/2026, đề nghị các đơn vị:

+ Chủ động rà soát tờ khai còn tồn treo, các tờ khai (đăng ký trước thời điểm thay đổi mã) còn chưa hoàn thành trên các hệ thống nghiệp vụ và xử lý theo quy trình nghiệp vụ. Thời hạn hoàn thành xử lý: **đến hết ngày 30/6/2026**. Sau ngày 30/6/2026, Ban CNTT sẽ cấu hình khóa các mã hải quan này. Trong trường hợp cần thiết, các đơn vị xử lý theo quy trình hướng dẫn nghiệp vụ của Ban GSQL.

+ Phối hợp Ban GSQL rà soát tình trạng hoạt động, điều chỉnh mã các địa điểm do các CCHQKV ban hành (bao gồm cả các địa điểm do Cục HQ tỉnh, thành phố trước đây). Thời hạn hoàn thành: **đến hết ngày 15/3/2026**.

+ Tổ chức tuyên truyền rộng rãi đến cộng đồng doanh nghiệp về việc thay đổi bộ mã HQ, mã địa điểm, tránh trường hợp sau ngày 01/4/2026 doanh nghiệp vẫn khai báo vào các mã không còn sử dụng (chỉ mở tiếp nhận để xử lý các tờ khai, hồ sơ chưa hoàn thành).

Ban CNTT & Thống kê hải quan thông báo để đơn vị biết và thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, QLVH.

KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Minh Tuấn

Số: 174/CNTT-QLVH; 27/02/2026; 08:49:23



Phụ lục:

**BẢNG MÃ DỰ KIẾN ĐỘI THÔNG QUAN TẬP TRUNG**  
**PHỤC VỤ THEO DÕI SỐ THU NSNN THEO ĐỊA BÀN HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**  
(Kèm theo công văn số /CNTT-QLVH ngày tháng năm 2026 của Ban CNTT & Thống kê hải quan)

| STT | Tên đơn vị HQ     | Mã HQ dự kiến theo trụ sở | Mã dự kiến đội TQTT - Thu NSNN theo từng tỉnh |                 | Ghi chú                                         |
|-----|-------------------|---------------------------|-----------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------|
| 1   | Cục HQ            | 00                        | 00                                            |                 | Sử dụng mã cũ do không tiếp nhận, xử lý tờ khai |
| 2   | Chi cục HQKV I    | 01                        | 01Y1                                          | Hà Nội          | Chi cục HQKV liên tỉnh                          |
|     |                   |                           | 01Y2                                          | Phủ Thọ         |                                                 |
| 3   | Chi cục HQKV II   | 02                        | 02YY                                          | TP. Hồ Chí Minh | Chi cục HQKV 01 tỉnh                            |
| 4   | Chi cục HQKV III  | 03                        | 03YY                                          | Hải Phòng       | Chi cục HQKV 01 tỉnh                            |
| 5   | Chi cục HQKV IV   | 28                        | 28Y1                                          | Hưng Yên        | Chi cục HQKV liên tỉnh                          |
|     |                   |                           | 28Y2                                          | Ninh Bình       |                                                 |
| 6   | Chi cục HQKV V    | 18                        | 18Y1                                          | Bắc Ninh        | Chi cục HQKV liên tỉnh                          |
|     |                   |                           | 18Y2                                          | Thái Nguyên     |                                                 |
| 7   | Chi cục HQKV VI   | 15                        | 15YY                                          | Lạng Sơn        | Chi cục HQKV 01 tỉnh                            |
| 8   | Chi cục HQKV VII  | 13                        | 13Y1                                          | Lào Cai         | Chi cục HQKV liên tỉnh                          |
|     |                   |                           | 13Y2                                          | Điện Biên       |                                                 |
|     |                   |                           | 13Y3                                          | Lai Châu        |                                                 |
| 9   | Chi cục HQKV VIII | 20                        | 20YY                                          | Quảng Ninh      | Chi cục HQKV 01 tỉnh                            |
| 10  | Chi cục HQKV IX   | 32                        | 32Y1                                          | Quảng Trị       | Chi cục HQKV liên tỉnh                          |
|     |                   |                           | 32Y2                                          | Huế             |                                                 |

| STT | Tên đơn vị HQ      | Mã HQ dự kiến<br>theo trụ sở | Mã dự kiến đội TQTT - Thu NSNN<br>theo từng tỉnh |                  | Ghi chú                |
|-----|--------------------|------------------------------|--------------------------------------------------|------------------|------------------------|
| 11  | Chi cục HQKV X     | 27                           | 27Y1                                             | <b>Thanh Hoá</b> | Chi cục HQKV liên tỉnh |
|     |                    |                              | 27Y2                                             | Sơn La           |                        |
| 12  | Chi cục HQKV XI    | 30                           | 30Y1                                             | <b>Hà Tĩnh</b>   | Chi cục HQKV liên tỉnh |
|     |                    |                              | 30Y2                                             | Nghệ An          |                        |
| 13  | Chi cục HQKV XII   | 34                           | 34Y1                                             | <b>Đà Nẵng</b>   | Chi cục HQKV liên tỉnh |
|     |                    |                              | 34Y2                                             | Quảng Ngãi       |                        |
| 14  | Chi cục HQKV XIII  | 41                           | 41Y1                                             | <b>Khánh Hoà</b> | Chi cục HQKV liên tỉnh |
|     |                    |                              | 41Y2                                             | Lâm Đồng         |                        |
| 15  | Chi cục HQKV XIV   | 40                           | 40Y1                                             | <b>Đắk Lắk</b>   | Chi cục HQKV liên tỉnh |
|     |                    |                              | 40Y2                                             | Gia Lai          |                        |
| 16  | Chi cục HQKV XV    | 06                           | 06YY                                             |                  | <i>Mã dự kiến</i>      |
| 17  | Chi cục HQKV XVI   | 11                           | 11Y1                                             | <b>Cao Bằng</b>  | Chi cục HQKV liên tỉnh |
|     |                    |                              | 11Y2                                             | Tuyên Quang      |                        |
| 18  | Chi cục HQKV XVII  | 45                           | 45YY                                             | <b>Tây Ninh</b>  | Chi cục HQKV 01 tỉnh   |
| 19  | Chi cục HQKV XVIII | 47                           | 47YY                                             | <b>Đồng Nai</b>  | Chi cục HQKV 01 tỉnh   |
| 20  | Chi cục HQKV XIX   | 54                           | 54Y1                                             | <b>Cần Thơ</b>   | Chi cục HQKV liên tỉnh |
|     |                    |                              | 54Y2                                             | Vĩnh Long        |                        |
|     |                    |                              | 54Y3                                             | Cà Mau           |                        |
| 21  | Chi cục HQKV XX    | 49                           | 49Y1                                             | <b>Đồng Tháp</b> | Chi cục HQKV liên tỉnh |
|     |                    |                              | 49Y2                                             | An Giang         |                        |

**Ghi chú:** Chữ in đậm: Trụ sở Chi cục HQKV.